

Số:/ TB- CSTN

Tây Ninh ngày 16 tháng 03 năm 2009

**THÔNG BÁO TRIỆU TẬP ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CP CAO SU TÂY NINH THƯỜNG NIÊN 2009**

Kính gửi : Cổ đông Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh

Căn cứ vào điều lệ Công ty cổ phần cao su Tây Ninh , Hội đồng quản trị triệu tập Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên 2009.

- Thời gian tổ chức đại hội : 8 giờ , ngày 10 tháng 04 năm 2009.
- Địa điểm tổ chức đại hội : Trụ sở công ty cổ phần cao su Tây Ninh. Quốc lộ 22B , Ấp Đá Hàng, xã Hiệp Thạnh, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.
- Nội dung đại hội: Thông qua báo cáo thường niên 2008, phương hướng hoạt động kinh doanh năm 2009 và các vấn đề có liên quan khác. Hoặc tải về tại website. www.taniruco.com.vn.
- Tất cả cổ đông tính đến ngày 16//03/2009 có quyền tham dự đại hội.

Lưu ý :

- Cổ đông pháp nhân vui lòng cung cấp giấy ủy quyền người đại diện hợp pháp của cổ đông tham dự đại hội bằng fax .
- Cổ đông thể nhân dự họp vui lòng xác nhận tham dự qua điện thoại hoặc fax

- Ngày hết hạn đăng ký : **05/04/2009**

- Địa chỉ đăng ký bằng thư: Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh, Ấp Đá Hàng, Xã Hiệp Thạnh , huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.
- Đăng ký bằng Fax : 066 .3853 608 (Giờ hành chính).
- Đăng ký qua email: taniruco@gmail.com (24/7).

Các thắc mắc xin liên hệ với Ban tổ chức Đại hội:

- Ban tổ chức : Ông Nguyễn Thái Bình.
- Điện thoại : 0663. 853606 – 0918.122873; Fax : 0663.853608;

Email: taniruco@gmail.com - Website: www.taniruco.com.vn

Trên đây là một số nội dung cơ bản mà HĐQT công ty cổ phần cao su Tây Ninh thông báo đến tất cả cổ đông biết để chuẩn bị tham dự đại hội.

Trân trọng,

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Chủ tịch

TRỊNH VĂN VĨNH

CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI THƯỜNG NIÊN 2009

Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh (TRC)



Thời gian : 08h30 - 11h30, thứ sáu – Ngày 10/4/2009
Địa điểm : Hội trường Công ty CP Cao su Tây Ninh, ấp Đá Hàng, xã Hiệp Thạnh , Gò Dầu , Tây Ninh

8:00 – 8:30	Chào đón khách
8:30 – 8:40	Báo cáo tỉ lệ Cổ đông tham dự Đại hội Thông qua chương trình
8:40 – 8:50	Thông qua Chủ tọa đoàn, Ban thư ký, Ban kiểm phiếu
8:50 – 9:00	Phát biểu khai mạc của Chủ tịch HĐQT TRC
9:00 – 10:00	Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị Báo cáo của Ban Tổng giám đốc Báo cáo tình hình phân phối lợi nhuận năm 2008 Báo cáo các chỉ tiêu cơ bản phương hướng KD năm 2009 Giải trình báo cáo tài chính năm 2008 Trình bày mô hình nhân sự và thông tin cổ đông Trình bày các vấn đề sẽ thông qua biểu quyết
10:00 – 10:45	Thảo luận và trao đổi
10:45 – 10:50	Biểu quyết
10:50 – 11:05	Giải lao
11:05 – 11:10	Công bố kết quả biểu quyết
11:10 – 11:25	Thông qua biên bản và nghị quyết đại hội
11:25 – 11:30	Bế mạc Đại hội

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY ỦY QUYỀN

Kính gửi : Ban tổ chức đại hội đồng cổ đông năm 2009
Công ty cổ phần cao su Tây Ninh

NGƯỜI ỦY QUYỀN :

Họ và tên :

Số CMND (hoặc hộ chiếu) : Cấp ngày tại :

Đại diện cho Pháp Nhân (nếu có):

.....

Thường trú tại :

Là cổ đông của Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh, sở hữu cổ phần

Bằng chữ:

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN :

Họ và tên :

Số CMND(hoặc hộ chiếu):..... Cấp ngày tại

Thường trú tại :

NỘI DUNG VÀ PHẠM VI ỦY QUYỀN :

- Phát biểu ý kiến, thảo luận trong phiên họp Đại hội đồng cổ đông năm 2009.
- Ứng cử trong đại hội (Nếu đủ điều kiện và có bầu cử)
 - .Không được tham gia ứng cử (nếu có bầu cử)
 - .Được tham gia ứng cử (nếu có bầu cử)
- Được tham gia biểu quyết theo quy định của Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông 2009.
- Ký tên, xác nhận trên các văn bản và tài liệu (nếu có) liên quan đến phiên họp Đại hội đồng cổ đông 2009.

THỜI GIAN ĐƯỢC ỦY QUYỀN :

Giấy ủy quyền này chỉ có hiệu lực trong thời gian diễn ra phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2009. Sau thời gian này giấy ủy quyền đương nhiên không còn hiệu lực.

.....ngàythángnăm 2009

Người được ủy quyền **Người ủy quyền**

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2008

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂY NINH
MÃ CHỨNG KHOÁN : TRC



T RỤ SỞ CHÍNH:
Trụ sở :
Điện thoại:
Fax:
Email:
Website:

R

Quốc lộ 22b- Hiệp Thạnh- GD- TN
066. 3853606 – 3853232
066. 3853608
taniruco@gmail.com
www.taniruco.com.vn

C

I. Lịch Sử hoạt động của Công ty

I.1. Những sự kiện quan trọng

a. Thành lập Công ty

- Tiền thân của Cao su Tây Ninh là đồn điền của người Pháp. Công ty bắt đầu thành lập từ năm 1908 với 27 Ha đầu tiên tại Vên Vên và sau đó phát triển thêm lên đến 2.600Ha. Do thành lập muộn hơn các Công ty khác như SIPH, Đất Đỏ, Michelin, Cao su Đông Dương ... nên diện tích bắt nguồn từ đây cũng nhỏ hơn các Công ty khác quanh vùng (Theo nguồn của sugia.vn) .
- Từ 4/1975 Đồn điền được chuyển thành Nông trường quốc doanh cao su Tây Ninh và thuộc sở hữu nhà nước.
- Năm 1981 Nông Trường được nâng cấp lên thành Công ty và lấy tên là Công ty Cao su Tây Ninh.
- Năm 1987 Tổng cục Cao su Việt Nam ký quyết định đổi Công ty Cao su Tây Ninh thành XN liên hợp cao su Tây Ninh .
- Năm 1993 Bộ Nông Nghiệp cho phép chuyển XNLH cao su Tây Ninh trở lại thành Công ty Cao su Tây Ninh.
- Cuối năm 2004 Thủ Tướng Chính phủ quyết định chuyển Công ty cao su Tây Ninh thành Công ty TNHH một thành viên cao su Tây Ninh và hoạt động theo luật doanh nghiệp .
- Ngày 21/11/2006 Bộ NN và PTNT ký quyết định chuyển Công ty TNHH một thành viên Cao su Tây Ninh thành Công ty Cổ phần cao su Tây Ninh cho đến nay.

b. Cổ phần hoá

- Ngày 27/12/2006 Tổ chức đại hội đồng cổ đông sáng lập lần đầu tiên của Công Ty CP Cao Su Tây Ninh và hoạt động với mức vốn điều lệ là 300 tỉ đồng , tương đương 30 triệu cổ phần phổ thông.
- Ngày 28/12/2006 Công Ty Cổ Phần Cao Su Tây Ninh được nhận giấy phép đăng ký kinh doanh số 4503000058 từ Sở KHĐT tỉnh Tây Ninh, chính thức hoạt động theo mô hình cổ phần.

c. Niêm yết

- Ngày 24/7/2007 được chấp thuận của Sở Giao Dịch CK Tp.HCM (HoSE), Công Ty Cổ Phần Cao Su Tây Ninh chính thức niêm yết 30 triệu cổ phiếu với mệnh giá là 10.000 đồng/cp lên sàn giao dịch chứng khoán với mã chứng khoán là TRC.

I.2. Quá trình phát triển

Từ năm 1988, nền kinh tế bước sang cơ chế thị trường, Công ty bắt đầu xem xét đánh giá thực trạng khả năng nguồn lực và tiến hành thanh lý vườn cây già cỗi, kém năng suất, giống lạc hậu để đầu tư tái canh trồng lại các loại giống mới, năng suất cao, kháng bệnh tốt trên hầu hết diện tích mà Công ty đang quản lý khai thác. Đối mới máy móc thiết bị bắt đầu cho cải tiến và áp dụng chính sách cho phép nhập khẩu các máy móc thiết bị công tác chuyên dùng và kết hợp với máy móc trong nước cải tạo hệ thống lò xông sấy mủ cao su cốm. Từ năm 1993 - 1994 Công ty định hướng sản xuất mủ cao su ly tâm (latex) là sản phẩm chính của Công ty. Đây cũng là bước ngoặt thay đổi quan trọng về chất, bởi vì đây là sản phẩm cung cấp nguyên liệu cho các ngành SX cao su nhúng và cao su có hàm lượng kỹ thuật cao. Đối với sản phẩm này không có loại 2, nên yêu cầu nguyên liệu và giống cây cũng là điều kiện hết sức quan trọng. Là dây chuyền sản xuất cao su ly tâm được đưa vào hoạt động tương đối sớm lúc bấy giờ. Công nghệ được nhập khẩu chính từ Thụy Điển và chuyển giao công nghệ là các chuyên gia kinh nghiệm đến từ Malaysia.

Cùng với sự quản lý mới, tiền lương là đòn bẩy kích thích năng suất lao động và khuyến khích phát huy sáng kiến - ứng dụng công nghệ KHKT vào khai thác vườn cây, thâm canh, cải tạo đất... kết quả cuối cùng đã mang đến thành công có tính căn cơ đó là năng suất khai thác mủ từ 700-800 kg/ha/năm, tăng lên đến 2.350 kg/năm/ha. Nghĩa là năng lực SX tăng lên hơn 3 lần và vinh dự được Tập Đoàn CN Cao su Việt Nam xếp vào “*Cầu lạc bộ 2 tấn*” đầu tiên trong ngành.

Qua hơn 100 năm thành lập và phát triển, Công ty đã khẳng định được thương hiệu “TANIRUCO” trên thị trường trong và ngoài nước. Xây dựng được đội ngũ nhân sự mạnh, nhiệt tình. Phát triển mở rộng diện tích trồng cao su lên 7.300ha cao su, các chỉ số về năng lực cạnh tranh và các chỉ số tài chính cơ bản luôn được cải thiện và luôn đứng vào tốp đầu của các đơn vị thành viên của Tập Đoàn CN Cao su Việt Nam.

MỘT SỐ DANH HIỆU CAO QUÝ

Năm	Danh hiệu	Đơn vị trao tặng
1977 – 1978	Cờ luân lưu của Chính Phủ	Thủ Tướng
1990	Huân chương chiến công hạng III	Chủ tịch nước
1993	Huân chương lao động hạng II	Chủ tịch nước
2001	Huân chương lao động hạng I	Chủ tịch nước
2004	Danh hiệu Anh hùng lao động trong thời kỳ đổi mới	Chủ tịch nước

I.3. Các lĩnh vực kinh doanh chủ yếu

- Trồng mới, chăm sóc, khai thác, chế biến và xuất khẩu cao su thiên nhiên.
- Sản xuất thùng phuy thép, chế biến XNK gỗ, SX cây cao su giống.
- Kinh doanh nhiên liệu, vật tư tổng hợp.

- Xây dựng công trình dân dụng , công nghiệp và điện.

I.4. Định hướng phát triển

a. Các mục tiêu chủ yếu

Mục tiêu chung:

- Phát triển ổn định, bền vững , **bảo toàn vốn**, định hướng phát triển lâu dài là ưu tiên hàng đầu.
- Duy trì tình hình tài chính công khai , minh bạch, chính xác và đúng luật.
- Định hướng, đào tạo nhân sự mạnh, trung thành, năng động và hiệu quả phù hợp với văn hoá của Công ty CP Cao su Tây Ninh.
- Tối đa hoá lợi ích cho Cổ đông, kết hợp với việc chăm sóc quyền lợi chính đáng cho Công nhân lao động.
- Phát triển thêm diện tích trồng cao su kết hợp với tìm kiếm thị trường và công nghệ SX cao su tiêu dùng, hạn chế dần việc xuất cao su thô.
- Tìm kiếm thị trường tiềm năng mới kết hợp với việc nâng cao chất lượng sản phẩm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao cho khách hàng.
- Thực hiện trách nhiệm một cách nghiêm túc với luật pháp, xã hội, môi trường và Người lao động.
- Góp phần làm gia tăng ngân sách quốc gia.

b. Chiến lược quản lý đảm bảo thực hiện hoàn thành chiến lược chung

- Đánh giá đúng và kích lệ nguồn nhân lực hiện có , bổ sung thay thế các vị trí chủ chốt năng động đủ trình độ và năng lực để hoàn thành các mục tiêu đã đề ra.
- Tiếp tục thay thế hoàn thiện máy móc thiết bị, đa dạng hoá sản phẩm, ổn định và ngày càng nâng cao mục tiêu chất lượng sản phẩm.
- Quản lý chặt giá thành, chi phí bán hàng, đưa các ứng dụng khoa học kỹ thuật vào khai thác tăng năng suất vườn cây, làm giảm giá thành và tăng tỉ suất lợi nhuận.
- Kết hợp tốt với Chính quyền địa phương chăm sóc người dân quanh vùng cao su và bảo vệ tốt cao su khai thác.
- Thực hiện nghĩa vụ nộp ngân sách, nghĩa vụ bảo vệ môi trường môi sinh và góp phần tạo công ăn việc làm cùng với Chính quyền địa phương.

II. Báo cáo của Hội Đồng Quản Trị

1. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2008

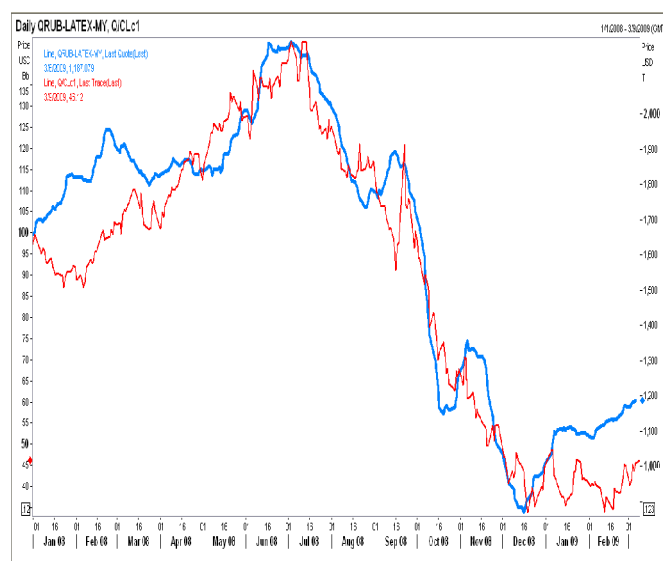
Năm 2008, cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu đã làm nền kinh tế nhiều quốc gia đi vào suy thoái. Theo dự báo của các Nhà lãnh đạo tài chính quốc tế, tình hình tài chính năm

2009 sẽ còn khó khăn hơn năm 2008, mặc dù các nền kinh tế lớn trên thế giới đã có các kế hoạch kích thích kinh tế của quốc gia mình. Đứng trước tình hình đó, tác động của suy thoái kinh tế thế giới cũng được nhìn nhận có tác động đến nền kinh tế Việt Nam.

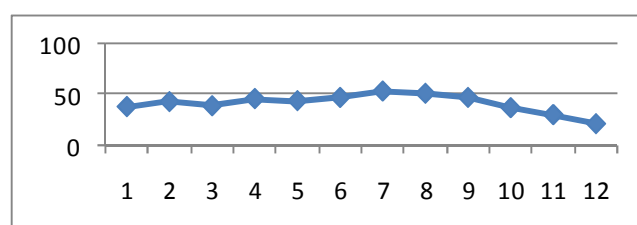
Riêng ngành cao su, năm 2008 các biến động lớn chỉ tập trung vào quý III và IV mà đặc biệt là khâu tiêu thụ sản phẩm. Các kỷ lục giá bán liên tục bị phá vỡ. Làn đầu tiên giá bán sản phẩm tăng lên đến khoảng 3.500 usd/tấn vào tháng 7/2008, đây là giá bán cao nhất trong nhiều năm gần đây và trong quý IV giá hạ đến 70%.

Hội Đồng Quản Trị đánh giá trước khả năng giá có chiều hướng xấu trong quý IV/2008, từ đó liên tục đưa ra các quyết định, chỉ đạo Tổng Giám Đốc có đối sách thích hợp. Tranh thủ các lợi thế và mở rộng thị trường xuất khẩu.

Giá cao su và giá dầu



Sơ đồ giá bán từng tháng 2008



Năm 2008 là một năm đặc biệt khó khăn, thời tiết khí diễn biến hết sức phức tạp không thuận lợi cho ngành khai thác cao su. Đầu năm có những cơn mưa lớn trái mùa, làm rửa trôi các bào tử bệnh phấn trắng, bộ lá phát triển tốt báo hiệu cho một mùa thu hoạch bội thu. Nhưng vào mùa mưa chính thức thì tăng suất và lượng mưa quá lớn làm cho khâu khai thác sản phẩm bị ảnh hưởng trầm trọng. Trước tình hình khó khăn về thời tiết, Công nhân cao su đã thể hiện được truyền thống cần cù chịu khó của mình. Họ đã dầm mình giữa những cơn mưa như trút và dai dẳng với những cơn mưa dầm, để chờ cạo mủ khi vừa tạnh. Kết quả năng suất đạt 2.309 kg/ha, đây là năng suất khai thác khá cao. So sánh với năng suất bình quân toàn ngành là 1.820 kg/ha, như vậy Công ty vượt là 27%.

2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch 2008

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	Tỉ lệ %
1	Sản lượng mủ khai thác	13.000 tấn	13.484 tấn	104%
2	Năng suất khai thác	2,226 tấn	2,309 tấn	104%
3	Doanh thu	424,5 tỉ	590 tỉ	139%
4	Lợi nhuận	148,2 tỉ	199 tỉ	134%

Tuy tình hình kinh doanh năm 2008 có nhiều khó khăn nhưng Công ty đã vượt mức các chỉ tiêu chính, tiếp tục trong топ dẫn đầu so với các Công ty cùng Tập Đoàn CN Cao su Việt Nam. Hoàn thành các trách nhiệm chính đã cam kết trước Đại hội Cổ đông năm 2008.

3. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai

Nền công nghiệp sản xuất ô tô thế giới và trong nước đang suy thoái và khủng hoảng. Lượng ô tô sản xuất mới đưa vào thị trường giảm đi, kéo theo làm giảm sức cầu cao su thiên nhiên. Nền kinh tế thế giới chưa phục hồi, làm cho tâm lý tiêu dùng và các phản ứng ngược của thị trường có tác động mạnh đến tình hình tiêu thụ sản phẩm của Công ty. Tuy nhiên, cho dù nền kinh tế có suy thoái đến đâu thì số lượng ô tô, xe máy và các động cơ có sử dụng cao su vẫn đang ngày đêm hoạt động trên khắp thế giới. Ngành cao su toàn cầu vẫn phải cung cấp nguyên liệu để sản xuất phụ tùng thay thế cho hàng tỉ chiếc máy đang hoạt động suốt ngày đêm đó. Đây mới chính là nguồn tiêu thụ tiềm năng của ngành cao su.

Riêng đối với Công ty CP Cao su Tây Ninh, chúng ta chọn sản xuất mũ cao su ly tâm (Latex) là chủ yếu, sản lượng sản xuất cho phép theo thiết kế có thể lên đến 80% sản lượng xuất xưởng. Đây là sản phẩm cung cấp nguyên liệu sản xuất các loại sản phẩm nhúng, chủ yếu dùng cho sản phẩm chăm sóc sức khỏe. Do mặt hàng có hàm lượng kỹ thuật cao, nên giá bán cũng cao hơn cao su cốm. Chúng tôi hi vọng với sản phẩm này sẽ tránh được **tâm lý** cho rằng nền công nghiệp ô tô suy thoái thì các Công ty cao su cũng suy thoái kéo theo. Với sản phẩm tiềm năng và với thị trường có ít người mua như hiện nay, thì các yêu cầu của khách hàng cũng ngày càng nâng cao. Những tiêu chuẩn trước đây có thể chấp nhận nhưng nay họ yêu cầu cao hơn tiêu chuẩn của Việt Nam rất nhiều. Đây là thách thức và là cơ hội với chúng tôi. Bởi vì, với hơn 100 năm kinh nghiệm chúng tôi sẽ biết cách để tồn tại và phát triển. Với qui mô vừa phải chúng tôi sẽ là Công ty năng động và có nhiều lợi thế cạnh tranh trong việc tiêu thụ sản phẩm.

Loại sản phẩm xuất bán như hiện nay còn gọi là xuất cao su thô. Tỷ suất lợi nhuận thấp, thị trường ngày càng khó khăn. Công ty đang có kế hoạch nhắm đến sản xuất hàng tiêu dùng cao su từ nguồn nguyên liệu do tự mình cung cấp. Có như thế mới tối đa hoá được lợi nhuận. Như hiện nay, giá bán cao su nguyên liệu giảm đến 50%, nhưng hàng hoá tiêu dùng từ cao su không giảm tương ứng, mà họ chỉ giảm giá bán bằng cách tăng chất lượng hàng hoá mà thôi (Như nệm cao su Kymdan tăng chất lượng 20%, giá bán giảm không đáng kể, trong khi sản phẩm này định hình chủ yếu từ cao su thiên nhiên ...).

Trước tình hình nền kinh tế còn chưa hồi phục, Công ty thấy được đây là thời điểm tốt và tích cực sẵn đón các cơ hội đầu tư, nhằm đón đầu đúng nhịp tại một thời điểm khi nền kinh tế hồi phục không xa.

III. Báo cáo của Tổng Giám Đốc

1. Báo cáo tình hình tài chính

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2007	Năm 2008	% +/-
1	Tổng doanh thu	1.000 đ	514.359.078	589.975.262	114,70
2	Tổng chi phí	"	336.913.164	391.755.377	116,28
3	Tổng lợi nhuận	"	177.445.914	198.219.885	111,71
4	Khả năng thanh toán				
	- Tỷ số thanh toán hiện thời	Lần	1,26	1,65	130,95
	- Tỷ số thanh toán nhanh	Lần	1,2	1,44	120,00
5	Khả năng sinh lợi				
	- Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (ROS)	%	34,50	33,60	97,39
	- Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	%	21,71	30,00	138,19
	- Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	37,73	39,29	104,13
	- Lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	%	59,15	66,07	111,70
6	Cổ phiếu cổ tức				
	- Thu nhập trên mỗi cổ phần	Đồng	5.915	6.607	111,70
	- Cổ tức trên mỗi cổ phần (DPS)	Đồng	3.000	3.000	100,00

(Nguồn từ Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2007, năm 2008)

Công ty CP cao su Tây Ninh là đơn vị thực hiện thí điểm mô hình cổ phần trong ngành cao su với vốn điều lệ 163 tỷ đồng. Sau khi đánh giá xác định giá trị doanh nghiệp, tổng vốn tăng lên 532 tỷ đồng. Để đảm bảo việc kinh doanh đạt hiệu quả và giảm bớt áp lực chia cổ tức hàng năm trên vốn điều lệ, Công ty CP Cao su Tây Ninh đã chọn vốn điều lệ 300 tỷ đồng. Phần chênh lệch vốn nhà nước so với vốn điều lệ là 232 tỷ đồng đến thời điểm 31/12/2008 Công ty đã nộp dứt điểm cho Tập đoàn CN CSVN.

Qua 2 năm hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần, Cty CP Cao su Tây Ninh đã luôn bảo toàn và phát triển vốn từ 300 tỉ đồng lên 463,8 tỉ đồng. Đảm bảo nguồn vốn phục vụ kịp thời cho SXKD và XDCB. Sử dụng đồng vốn đúng mục đích, đầu tư xây dựng các công trình trọng điểm nhằm phục vụ sản xuất và mở rộng quy mô ngành nghề như:

- . Đầu tư trồng mới, tái canh và chăm sóc tốt vườn cây KTCB
- . Đầu tư khu kinh doanh xăng dầu.
- . Đầu tư nhà máy sản xuất thùng phuy.
- . Sửa chữa nâng cấp nhà máy sản xuất mũ côm và mũ kem.
- . Trang bị mới dòng xe vận chuyển mũ nước, ít tiêu hao nhiên liệu.
- . Tham gia góp vốn các dự án bên ngoài.

Huy động vốn lưu động lúc nhận rồi chưa sử dụng đến, chuyển sang tiền gửi có kỳ hạn (vào thời điểm lãi suất huy động của ngân hàng tăng cao), đem lại nguồn lợi nhuận trên 18 tỷ đồng, góp phần không nhỏ vào việc làm tăng lợi nhuận của Công ty.

2. Tình hình về vốn cổ đông

- Tổng vốn điều lệ (100%)	300.000.000.000 đ
- Vốn Nhà nước (60%)	180.000.000.000 đ
- Cổ đông góp vốn (40%)	120.000.000.000 đ
- Tổng số cổ phần:	30.000.000 cổ phần
- Mệnh giá:	10.000đồng/CP

3. Ưu đãi tài chính Công ty đang thực hiện

Thực hiện theo công văn số 1661/TCT-CS ngày 28/04/2008 của Tổng Cục Thuế với nội dung Cty CP Cao su Tây Ninh là công ty thành lập từ CP hoá doanh nghiệp nhà nước, được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngày 28/12/2006, Công ty hoạt động trên địa bàn huyện Gò Dầu tỉnh Tây Ninh thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn, được ưu đãi đầu tư, đồng thời có số lao động thường xuyên sử dụng từ 500 đến 5.000 lao động. Do vậy, Công ty được ưu đãi về thuế TNDN, thời gian được ưu đãi từ năm 2007. Áp dụng mức thuế suất thuế TNDN 15% trong 12 năm kể từ khi bắt đầu đi vào hoạt động kinh doanh. Chế độ ưu đãi được miễn thuế TNDN 03 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 07 năm tiếp theo.

4. Kết quả thực hiện kế hoạch Sản Xuất Kinh Doanh năm 2008

a. Khó Khăn

- Thời tiết không thuận lợi cho công tác khai thác mủ như nắng hạn kéo dài, mưa bão xảy ra liên tiếp, bệnh hại trên vườn cây cao su vẫn tồn tại và đặc biệt lan rộng trên vườn cây KTCB như bệnh nứt vỏ xì mủ, bệnh nấm hồng ...
- Trong năm, ảnh hưởng của mưa giông đã làm gãy đổ trên 17.000 cây cao su ở cả 3 nông trường;
- Do giá bán cao su 9 tháng đầu năm ổn định ở mức cao nên tệ nạn tiêu cực diễn biến hết sức phức tạp và xu hướng phát triển mạnh, công khai và có tổ chức;
- Giá cả vật tư, nguyên nhiên vật liệu, kể cả hàng hóa tiêu dùng đều tăng mạnh đã ảnh hưởng rất lớn đến giá thành sản xuất, thu nhập và đời sống công nhân;
- Khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế thế giới đã tác động đến giá bán mủ cao su các tháng cuối năm, giá liên tục giảm mạnh; Các hợp đồng dài hạn với nước ngoài bị hủy do đối tác mất khả năng thanh toán;
- Năm 2008 là năm thứ hai Công ty hoạt động SXKD theo mô hình Công ty Cổ phần. Mặc dù có các yếu tố thuận lợi, song cũng còn những áp lực trong công tác quản lý và điều hành. Có những khó khăn khách quan lẫn chủ quan khiến cho một số dự án chậm triển khai như nhà máy sản xuất thùng phuy; Khu Công Nghiệp Hiệp Thạnh.

b. Thuận Lợi

Chúng ta có những mặt thuận lợi hết sức cơ bản như sau:

- Được sự quan tâm hỗ trợ của Lãnh đạo và các Ban của Tập đoàn Công nghiệp cao su Việt Nam, của Tỉnh ủy và UBND tỉnh Tây Ninh, hậu thuẫn hỗ trợ mật thiết và có hiệu quả của các cấp chính quyền địa phương;
- Giá bán cao su trên thị trường thế giới 09 tháng đầu năm tăng cao;
- Công tác tổ chức ổn định, phát huy tích cực dân chủ cơ sở. Tinh thần đoàn kết gắn bó, năng nổ, trách nhiệm cao từ lãnh đạo đến từng tổ đội, người công nhân;

- Và hiệu quả hoạt động trong các năm qua là đảm bảo cơ sở cho thắng lợi các năm tiếp theo.

c. Một số chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu 2008

BAÙO CAÙÒ MOẮT SOÁ CHÆ TIEAU TAØI CHÍNH NAÊM 2008

STT	CHÆ TIEAU	ÑVT	THÖIC HIEÄN NAÊM 2007	KEA HOAÏCH NAÊM 2008	THÖIC HIEÄN NAÊM 2008	TYÙ LEÄ %	TYÙ LEÄ %
A	B	C	1	2	3	4=3/1	5=3/2
1	Giaù trò toảng saùn löõing haøng hoùa	1.000 ñ	508,888,261	568,740,231	600,029,732	105,5	117,91
2	Dieãn tích	Ha	6073,17	5839,12	5839,12	96,1	100,00
3	Naøng suaát	kg/ha	2,350	2,226	2,309	103,73	98,28
4	Saùn löõing saùn xuaát	taán	13,807.627	13,000.000	13,593.426	98,45	104,56
5	Saùn löõing tieâu thuĩ	taán	14,321.620	12,955.573	13,366.093	93,33	103,17
	-TTXK vaø UTXK	taán	8,638.200	8,201.600	5,990.580	69,35	73,04
	-Noãi ñòa	taán	5,683.420	4,753.973	7,375.513	129,77	155,14
6	Giaù thaønh tieâu thuĩ bình quaân	ñ/taán	21,426,214	20,332,663	25,981,677	121,26	127,78
7	Toảng giaù thaønh tieâu thuĩ	1.000 ñ	306,858,101	263,421,300	347,273,505	113,17	131,83
8	Giaù baùn bình quaân	ñ/taán	33,440,690	32,000,000	39,074,152	116,85	122,11
9	Toảng doanh thu	1.000 ñ	514,359,078	424,530,380	589,975,262	114,70	138,97
a	Saùn xuaát kinh doanh	1.000 ñ	491,893,912	414,578,334	549,115,315	111,63	132,45
	-Muù cao su	1.000 ñ	478,924,854	414,578,334	522,268,752	109,05	125,98
	-Saùn phaãm khauïc	1.000 ñ	12,969,058	0	26,846,563	207,00	
b	Hoait ñoãng taøi chính	1.000 ñ	10,177,280	6,706,793	23,829,432	234,14	355,30
	-Laõi goùp voán coả phaàn	1.000 ñ	109,595	2,694,964	0	0,00	0,00
	-Laõi TGNH	1.000 ñ	6,528,063	2,194,151	13,737,685	210,44	626,10
	-Cheãnh leãch tyù giaù taøng trong kyø	1.000 ñ	124,105	0	4,811,648	3877,08	
	-Cheãnh leãch tyù giaù SDCK	1.000 ñ	1,220,894	0	1,330,375	108,97	
	-Coãng traùi-traùi phieáu	1.000 ñ	115,555	89,678	130,262	112,73	145,26
	-Khaùc	1.000 ñ	0	0	104,115		
	-Laõi cho vay	1.000 ñ	2,079,068	1,728,000	3,715,347	178,70	215,01
c	Hoait ñoãng khauïc	1.000 ñ	12,287,886	3,245,253	17,030,515	138,60	524,78
	Trong ñoù: Thanh lỳ vồøøn caây cao su, cao su gaõy ñoã	1.000 ñ	10,937,313	3,245,253	15,134,001	138,37	466,34
10	Toảng chi phí	1.000 ñ	336,913,164	276,340,057	391,755,377	116,28	141,77

a	Saun xuaat kinh doanh	1.000 ñ	319,743,880	263,421,300	374,956,707	117.27	142.34
	- <i>Muu cao su</i>	1.000 ñ	306,858,101	263,421,300	347,273,505	113.17	131.83
	- <i>Doi phoøng giam giaù haøng toaøn kho</i>	1.000 ñ	0	0	1,219,191		
	- <i>Saun phaãm khaiùc</i>	1.000 ñ	12,885,779	0	26,464,011	205.37	
b	Hoait ñoäng taøi chính	1.000 ñ	5,704,888	3,972,036	5,361,402	93.98	134.98
	<i>Trong ñoù: Traù laõi vay coá ñònh</i>	1.000 ñ	5,525,525	3,972,036	4,326,367	78.30	108.92
c	Hoait ñoäng khaiùc	1.000 ñ	11,464,396	8,946,721	11,437,268	99.76	127.84
	<i>Trong ñoù: Thanh lyù vôøøn caây cao su, cao su gaõy ñoã</i>	1.000 ñ	11,162,129	8,946,721	11,306,115	101.29	126.37
11	Keát quaù taøi chính	1.000 ñ	177,445,914	148,190,323	198,219,885	111.71	133.76
a	Saun xuaat kinh doanh	1.000 ñ	172,150,032	151,157,034	174,158,608	101.17	115.22
	- <i>Lôii nhuaän muù cao su</i>	1.000 ñ	172,066,753	151,157,034	173,776,056	100.99	114.96
	- <i>Lôii nhuaän saun phaãm khaiùc</i>	1.000 ñ	83,279	0	382,552	459.36	
b	Hoait ñoäng taøi chính	1.000 ñ	4,472,392	2,734,757	18,468,030	412.93	675.31
c	Hoait ñoäng khaiùc	1.000 ñ	823,490	-5,701,468	5,593,247	679.21	-98.10
12	Phaân phoái lôii nhuaän	1.000 ñ	177,445,914	148,190,323	199,440,778	112.40	134.58
a	Thueá thu nhaäp doanh nghiäp phaùï noáp (28%)	1.000 ñ	753	0	0		
b	Thueá thu nhaäp doanh nghiäp phaùï noáp (15%)	1.000 ñ	26,399,577	21,810,852	29,697,021	112.49	136.16
c	Thueá thu nhaäp doanh nghiäp ñoøic mieãn giaùm	1.000 ñ	26,399,577	21,810,852	29,697,021	112.49	136.16
d	Trích Quyõ ñoi phoøng taøi chính (5%)	1.000 ñ	7,491,234	6,318,974	8,420,669	112.41	133.26
e	Trích Quyõ khen thoøùng (10%)	1.000 ñ	14,982,469	12,637,947	16,841,338	112.41	133.26
f	Trích Quyõ ñaàu tö phaùt trieån	1.000 ñ	63,750,564	39,233,402	82,848,396	129.96	211.17
	+ <i>Thueá TNDN mieãn giaùm</i>	1.000 ñ	26,399,577	21,810,852	29,697,021	112.49	136.16
	+ <i>Lôii nhuaän coøn laii</i>	1.000 ñ	37,350,987	17,422,550	53,151,375	142.30	305.07
g	Chia coá töüc cho caùc coá ñoäng (30%)	1.000 ñ	90,000,000	90,000,000	90,000,000	100.00	100.00
h	Cheån leäch tyù giaù chõa thoïc hieän chuyeån naêm sau PP	1.000 ñ	1,220,894	0	1,330,375	108.97	

Năm 2008, một lần nữa Công ty đạt thắng lợi toàn diện tất cả các chỉ tiêu kinh tế xã hội. Cụ thể:

- Công tác xúc tiến thương mại hoạt động hữu hiệu đã khẳng định được hình ảnh thương hiệu ; Thị trường được duy trì hợp lý tỷ trọng trong và ngoài nước;
- Đời sống công nhân ngày càng được nâng cao thông qua thu nhập, điều kiện làm việc, điều kiện sống, chăm sóc y tế...;
- Xuất sắc hoàn thành nghĩa vụ của Doanh Nghiệp đối với Nhà Nước trước thời hạn;

- Hoạt động lãnh đạo sản xuất nhịp nhàng, đều tay. Tinh thần đoàn kết, hỗ trợ được duy trì và nâng cao.

Đạt được những thành tích trên là nhờ :

- Mọi hoạt động kinh doanh đều đặt mục tiêu vì quyền lợi cổ đông lên trên hết;
- Tích cực xây dựng thương hiệu, giữ vững uy tín đối với khách hàng;
- Phát huy được tính sáng tạo và tinh thần trách nhiệm ở mỗi cá nhân, đơn vị cơ sở sản xuất;
- Đội ngũ Cán bộ không ngừng được nâng cao về kiến thức, trình độ năng lực và tinh thần trách nhiệm cao trong công tác;
- Tranh thủ được sự ủng hộ của các cấp chính quyền và nhân dân địa phương;
- Triệt để thực hành tiết kiệm. Chống các biểu hiện phô trương hình thức, lãng phí, quan tâm chăm sóc người lao động.

d. Một số phân tích tác động đến tình hình kinh doanh

- Mặc dù giá bán trong 9 tháng đầu năm rất cao, có thời điểm giá tăng trên 57.000.000 đ/tấn, giá bán bình quân toàn công ty 9 tháng đạt: 46.718.000 đ/tấn nhưng sang quý IV/2008, do ảnh hưởng khủng hoảng tài chính toàn thế giới, giá cao su giảm mạnh, sự tuột giảm theo chiều thẳng đứng giá từ 57 triệu xuống còn 17 triệu đồng /tấn (giảm 70%). Việc tiêu thụ mủ cao su gặp rất nhiều khó khăn không những trong nước mà cả thị trường xuất khẩu. Từ đó dẫn đến giá bán bình quân trong năm bị tuột giảm đáng kể, giá bán bình quân trong năm 2008: 39.074.152 đ/tấn, nhưng so với năm 2007 33.440.690 đ/tấn tăng 16,85%, so với kế hoạch năm 2008: 32.000.000 đ/tấn tăng 22,11%. Dẫn đến tổng doanh thu năm 2008: 589.975.000.000 đồng so với thực hiện năm 2007: 514.359.000.000 đồng tăng 14,70%, so với kế hoạch năm 2008: 424.530.000.000 đồng tăng 38,97%.

- Doanh thu năm 2008 tăng, phần lớn do giá bán tăng mạnh so với năm 2007, bình quân 1 tấn tăng 5.633.462 đồng, mặc dù sản lượng tiêu thụ có giảm đi 955,527tấn. Bên cạnh đó, còn có sự phát sinh tăng doanh thu từ việc huy động vốn lưu động nhân rồi để gửi tiết kiệm có kỳ hạn ngay trong thời điểm lãi suất huy động của ngân hàng tăng cao, góp phần làm tăng doanh thu trên 18 tỷ đồng.

- Giá thành thực hiện năm 2008: 25.981.677 đ/tấn so với thực hiện năm 2007: 21.426.214 đ/tấn tăng 21,26%, so với kế hoạch năm 2008: 20.332.663 đ/tấn tăng 27,78%. Sở dĩ giá thành năm 2008 có tăng hơn năm 2007 vì lý do đơn giá tiền lương trả trên sản phẩm theo doanh thu, giá bán tăng thì tiền lương trong giá thành cũng tăng theo. Ngoài ra trong năm 2008 giá cả đầu vào một số vật tư tăng vọt, nhất là phân bón, xăng dầu, nhiên liệu và một số vật tư hoá chất khác, từ đó dẫn đến tổng chi phí cũng tăng cao.

- Tổng lợi nhuận thực hiện được trong năm 2008: 198.219.000.000 đồng so với năm 2007: 177.445.000.000 đồng tăng 11,71% so với kế hoạch năm 2008: 148.190.000.000 đồng tăng 33,76%. Lợi nhuận năm 2008 tăng do giá bán bình quân trong năm cao hơn năm trước, lợi nhuận phát sinh từ nguồn huy động vốn nhân rồi do lãi suất huy động của ngân hàng tăng cao, thu nhập từ vườn cây thanh lý cũng tăng.

e. Báo cáo tình hình phân phối lợi nhuận năm 2008

Căn cứ nghị quyết Đại Hội Cổ Đông năm 2008 cho phép trích lập các quỹ của Công ty từ lợi nhuận năm 2008 như sau:

Tổng lợi nhuận phân phối năm 2008	199.440.778.148 đ
-Thuế TNDN ưu đãi 15% được miễn 100% (Thuế TNDN ưu đãi được bổ sung vào quỹ đầu tư phát triển)	29.697.021.153 đ
-Trích quỹ dự phòng tài chính (5%)	8.420.669.078 đ
-Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi (10%)	16.841.338.157 đ
-Lợi nhuận còn lại	53.151.374.331 đ
-Chênh lệch tỷ giá SDCK 31/12/2008 (phân phối 2009)	1.330.375.429 đ
-Chia cổ tức 30% vốn điều lệ (tương ứng 3.000 đ/CP)	90.000.000.000 đ

(Công ty đã chi đợt 1/2008: 25% VDL tương ứng 2.500 đ/CP; còn lại 5% VDL tương ứng 500 đ/CP đã chi trong đầu tháng 04/2009).

f. Phương hướng kế hoạch chủ yếu năm 2009

■ SẢN XUẤT VÀ TIÊU THỤ (Phụ lục KH SXKD năm 2009)

□ Diện tích, năng suất, sản lượng

-Diện tích khai thác	5.902.97 ha
Trong đó: Diện tích cạo mới	306,14 ha
-Năng suất	2.202 kg/ha
-Sản lượng khai thác	13.000 tấn
-Chế biến	13.000 tấn
-Sản lượng gia công chế biến	2.000 tấn
- Thu mua mũ tiêu điền	1.000 tấn

□ Tiêu thụ:

Sản lượng tiêu thụ

-Xuất khẩu	7.800 tấn
+TT	5.000 tấn
+UT Tập đoàn	1.500 tấn
+UT đơn vị khác	1.300 tấn
- Nội tiêu	5.383 tấn
□ Tồn kho	500 tấn

■ KẾ HOẠCH SXKD

□ Kế hoạch doanh thu

Dự kiến giá bán b/q năm 2009 là 22.000.000 đ/tấn (theo chủ trương của Tập đoàn CN CSVN).

□ Tổng doanh thu năm 2009

-Hoạt động SXKD	304.699.729.000 đ
-Hoạt động tài chính	290.023.934.000 đ
-Hoạt động khác	4.763.412.000 đ
-Hoạt động khác	9.912.383.000 đ

□ Kế hoạch tổng chi phí

-Hoạt động SXKD	214.653.286.000 đ
-Hoạt động tài chính	205.067.775.000 đ
-Hoạt động khác	3.483.537.000 đ

-Hoạt động khác	6.101.974.000 đ
<input type="checkbox"/> Tổng lợi nhuận	90.046.443.000 đ
-Hoạt động SXKD	84.956.159.000 đ
-Hoạt động tài chính	1.279.875.000 đ
-Hoạt động khác	3.810.409.000 đ

■ KẾ HOẠCH PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2009

Phân phối và trích lập các quỹ

<input type="checkbox"/> Tổng lợi nhuận trước thuế KH 2009	90.046.443.000 đ
<input type="checkbox"/> Lợi nhuận 2008 chuyển sang phân phối 2009	1.330.375.000 đ
<input type="checkbox"/> Tổng lợi nhuận phân phối theo KH 2009	91.376.818.000 đ

-Thuế TNDN phải nộp (15%)	13.483.261.000 đ
-Thuế TNDN được miễn giảm	13.483.261.000 đ
-Trích quỹ dự phòng tài chính (5%)	3.894.678.000 đ
-Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi (10%)	7.789.356.000 đ
-Trích quỹ đầu tư phát triển	34.692.784.000 đ
+Thuế TNDN được miễn giảm	13.483.261.000 đ
+Lợi nhuận còn lại	21.209.523.000 đ
+ Chia cổ tức 15% vốn điều lệ	45.000.000.000 đ

IV. Báo cáo quyết toán tài chính kiểm toán năm 2008 (Phụ lục đính kèm)

V. Bản giải trình báo cáo tài chính

1. Kiểm toán độc lập

Được sự uỷ nhiệm của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT đã chọn Công ty kiểm toán độc lập. Xin giới thiệu công khai Công ty đã kiểm toán năm 2008 như sau:

- Tên đơn vị kiểm toán: Công ty TNHH tư vấn kế toán và kiểm toán Việt Nam (AVA).
- Số quyết định được UBCKNN chấp thuận được phép kiểm toán các tổ chức niêm yết: số 847/QĐ-UBCK, do Bà Vũ Thị Kim Liên, Phó Chủ tịch UBCKNN ký ngày 16/12/2008.
- Tên và chứng chỉ Kiểm toán viên: Bùi Đức Vinh Kiểm toán viên, chứng chỉ kiểm toán viên số 0654/KTV.

Ý kiến của kiểm toán độc lập:

Theo ý kiến của chúng tôi xét trên các khía cạnh trọng yếu, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty CP Cao su Tây Ninh tại ngày 31/12/2008, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008, phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

2. Ý kiến kiểm toán nội bộ

Đến ngày 31/12/2008, kiểm toán nội bộ không phát hiện trường hợp bất thường nào trong hoạt động kinh doanh của Công ty. Các quy trình hoạt động tuân thủ theo các yêu cầu của hệ thống quản trị nội bộ. Hệ thống tài chính nội bộ vận hành tốt, phát hiện kịp thời các vấn đề, đề xuất, kiến nghị giải pháp phù hợp.

Báo cáo tài chính năm 2008 phản ánh trung thực, hợp lý kết quả kinh doanh và tình hình tài sản, nguồn vốn của Công ty ngày 31/12/2008.

Ban kiểm toán nội bộ đồng ý với các đánh giá về hoạt động tài chính trong báo cáo của kiểm toán độc lập.

3. Giới thiệu Công ty kiểm toán năm 2009:

Công ty CP Cao su Tây Ninh căn cứ điều lệ chọn Công ty kiểm toán. HĐQT và Ban kiểm soát được quyền chọn Công ty Kiểm toán hàng năm và báo cáo lại với ĐHĐCĐ. Năm nay HĐQT và Ban kiểm soát giới thiệu Công ty kiểm toán quyết toán năm 2009 đó là: Công ty TNHH tư vấn kế toán và kiểm toán Việt Nam (AVA). Từ nay Công ty sẽ cho kiểm toán hàng quý như qui định của UBCKNN.

VI. Các Công ty Con và các Công ty có liên quan

1. Công ty nắm giữ trên 50% vốn của TRC: Không có.

2. Công ty có trên 50% vốn do TRC nắm giữ : Không có.

3. Các dự án đã tham gia bên ngoài đến năm 2008

a. Công ty Cổ Phần Cao su Việt Lào:

Mục đích đầu tư : Trồng cao su.

Tổng vốn điều lệ 600.000.000.000đ, Cty CP Cao su Tây Ninh góp 10% tương đương 60.000.000.000 đ. Đã góp đến 31/12/2008: 54.000.000.000 đ. Còn lại 6.000.000.000 đ sẽ góp trong năm 2009. Dự án này rất khả quan, được chính phủ 2 nước đánh giá rất cao. Hiện Công ty đã trồng khoảng 10.000ha, thời gian trồng năm 2004. Dự kiến năm 2010 sẽ đưa vào khai thác. Tập Đoàn Cao su Việt Nam có ý định sẽ nâng qui mô Công ty Việt Lào lên thành Tổng Công ty Việt Lào.

b. Công ty CP TMDV và Du Lịch Cao Su:

Mục đích đầu tư : Xây dựng khách sạn kết hợp cao ốc cho thuê tại thị xã Móng Cái.

Tổng vốn điều lệ là 280 tỉ đồng, Công ty tham gia góp vốn 10tỉ, tương đương 3,57%. Dự án đang trong thời kỳ thi công đầu tư xây dựng.

c. Công ty CP Nước Khoáng Ninh Điền (Trụ sở tại tỉnh Tây Ninh):

Mục đích đầu tư : SX nước khoáng.

Tổng vốn điều lệ là 10 tỉ đồng . Công ty CP Cao su Tây Ninh tham gia góp 1.500.000.000 đ chiếm 15% vốn điều lệ. Dự án này đã đưa vào hoạt động bước đầu chưa có hiệu quả.

d. Công ty TNHH XDKDCSHT Cao su Việt Nam:

Mục đích đầu tư : XD và kinh doanh đường bê tông nhựa B.O.T tại Bình Dương.

Tổng vốn điều lệ 268.507.000.000 đ, Công ty CP Cao su Tây Ninh góp vốn 10% tương đương 26.800.000.000 đ. Dự án này đã đưa vào hoạt động. Cổ tức được chia năm 2008 khoảng 1.500.000.000 , lợi nhuận này, Công ty sẽ hạch toán vào kết quả SXKD năm 2009 theo quy định.

e. Cty CP PT Đô Thị và Khu CN Cao su Việt Nam:

Mục đích đầu tư : XD khu công nghiệp tại Hải Dương.

Giá trị vốn phải góp của Cty CP Cao su Tây Ninh là 20.000.000.000 đ. Đến 31/12/2008, Công ty đã góp 7.600.000.000 đ. Trong đó: nguồn vốn của Công ty: 3.820.000.000 đ, vốn góp của cá nhân bên ngoài: 3.780.000.000 đ. Dự án đang triển khai thi công.

f. Cty CP Chế Biến và XNK Gỗ Tây Ninh:

Mục đích đầu tư : SX chế biến gỗ xuất khẩu.

Tổng vốn điều lệ: 30.000.000.000 đ, Cty CP Cao su Tây Ninh tham gia 30% vốn điều lệ tương đương 9.000.000.000 đ. Công ty đã tham gia 1.350.000.000 đ, phần còn lại sẽ tiếp tục tham gia năm 2009 và các năm tiếp theo. Dự án này đang triển khai thi.

4. Tình hình đầu tư tài chính dài hạn

- a. Tham gia mua trái phiếu chính phủ: 654.600.000đ
- b. Tiền gửi có kỳ hạn 1 năm (Cty Tài Chính Cao su): 5.000.000.000đ

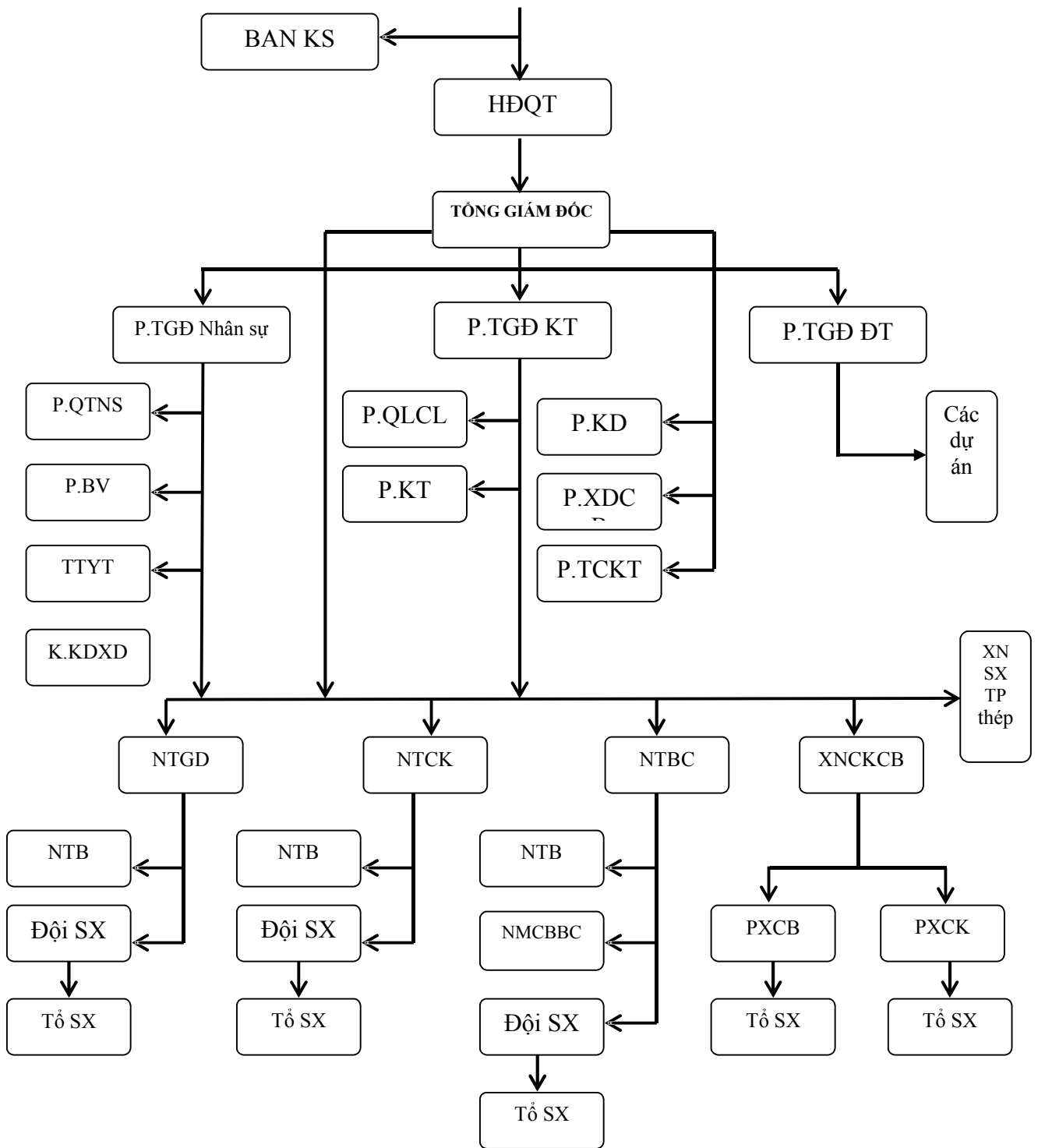
5. Dự án đề nghị ĐHCĐ cho phép tiến hành năm 2009 trở đi

- a. Đề nghị đầu tư lắp mới thêm một dây chuyền gồm 8 máy chế biến mủ cao su ly tâm và mở rộng đồng bộ mương đánh đông mủ skim, bồn tiếp nhận nguyên liệu và một số vật kiến trúc, nhà xưởng có liên quan đến dây chuyền. Lý do đầu tư mới dây chuyền này là năm 2008 năng suất sử dụng máy của hai dây chuyền cũ là 176%.
- b. Đề nghị cho phép Công ty khảo sát và góp vốn thành lập Công ty cao su tại tỉnh Phú Thọ.
- c. Khu công nghiệp Hiệp Thạnh: Hiện nay Chính phủ chuẩn bị phê duyệt. Công ty đang xúc tiến mời đơn vị tư vấn và lên kế hoạch tổng thể, nếu thuận lợi sẽ triển khai các bước dự án trong năm 2009.
- d. Đề nghị cho phép Công ty đầu tư vào lĩnh vực SX găng tay y tế xuất khẩu. Cụ thể Công ty sẽ khảo sát và tìm cơ hội mua lại một phần trong Công ty SX găng tay y tế XK tại KCN Long Thành với tổng giá trị rao bán là 9,6 triệu usd (Công ty chỉ tham gia 1/3). Nếu được phép và thuận lợi trong việc thương thảo mua dây chuyền này Công ty CP Cao su Tây Ninh sẽ dành phần cung ứng nguyên liệu cho dây chuyền này khoảng 6.000 tấn cao su latex hàng năm và chất đốt là mùn cưa, gốc rễ cành nhánh của cao su thanh lý.

VII. Tổ chức và nhân sự

1. Sơ đồ tổ chức

ĐHCĐ



2. Giới thiệu Ban quản trị Công ty

Ông Trịnh Văn Vĩnh
Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị
Kiểm Tổng Giám Đốc

Năm sinh: 1951

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Thâm niên : 39 năm

Kinh nghiệm quản lý tại Công ty: 25 năm

Kinh nghiệm tại chức vụ Tổng Giám Đốc: 14 năm

Năm 2006 Công ty cao su Tây Ninh chính thức hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần và Ông Trịnh Văn Vĩnh được Đại Hội Đồng Cổ đông bầu vào vị trí Chủ tịch HĐQT cho đến nay.

Hơn 25 năm làm việc trong ngành cao su , Ông được HĐQT tín nhiệm cử làm TGD . Với kiến thức Cử nhân kinh tế tốt nghiệp từ trường Đại Học Kinh tế TP.HCM, Ông đã trở thành Vị Tổng Giám Đốc có thâm niên và thời gian nhiều nhất tại Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh tính đến thời điểm hiện nay.

Với thành tích trên Ông là nhân tố quan trọng đưa Công ty nhận được Danh hiệu cao quý của Chủ tịch nước, đó là danh hiệu “Anh hùng lao động trong thời kỳ đổi mới” và bản thân Ông cũng được Chủ tịch nước tặng thưởng huân chương lao động hàng II và nhiều danh hiệu cao quý khác.

Ông Hứa Ngọc Hiệp

Năm sinh: 21/10/1958

Trình độ chuyên môn: Kỹ Sư Nông Nghiệp

Thâm niên: 35 năm

Thành viên HĐQT, hoạt động với tư cách thành viên độc lập

Ông Hứa Ngọc Hiệp là TV.HĐQT không điều hành. Ông đã từng là Trợ lý riêng cho Tổng Cục Trưởng Tổng Cục Cao su Việt Nam, hiện này đang là Trưởng Ban Tổ Chức của Tập Đoàn CN Cao su Việt Nam (VRG). Ông tham gia vào HĐQT, thường xuyên với tư cách là người phản biện, chất vấn và định hướng Công ty chấp hành đúng điều lệ và quản trị Công ty theo qui định của UBCKNN.

Ông Trần Văn Rạng

Năm sinh : 11/6/1953

Trình độ chuyên môn: Kỹ Sư Nông Nghiệp

Thâm niên: 31 năm

Kinh nghiệm trong ngành cao su: 27 năm

Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám Đốc Kỹ thuật

Ông Trần Văn Rạng xuất thân là Giáo viên kỹ thuật nông nghiệp. Có kiến thức rộng trong lĩnh vực nông nghiệp, đặc biệt là cao su và chế biến cao su. Với trình độ ngoại ngữ tốt Ông thường xuyên cập nhật thông tin cho công tác kỹ thuật . Ông còn là chủ của nhiều đề tài mang tính ứng dụng trong trồng trọt và chế biến cao su. Người trực tiếp mang lại danh hiệu “vườn cây có năng suất cao nhất toàn ngành”.

Ông Lê Văn Chành

Năm sinh : 11/2/1963

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Kinh nghiệm trong ngành cao su: 29 năm
Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám Nhân sự

Ông Lê Văn Chành với kinh nghiệm nhiều năm liền làm công tác quản trị nhân sự tại Công ty. Người phụ trách đào tạo huấn luyện , đề cử cho HĐQT và TGD Công ty các nhân tố phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ từng thời điểm khác nhau Hiện nay, nhân sự của Công ty được đánh giá là mạnh và đủ đáp ứng các yêu cầu .

Ông Khúc Đình An
Năm sinh: 15/1/1955
Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
Thâm niên: 33 năm
Thành viên HĐQT, hoạt động với tư cách thành viên độc lập

Ông Khúc Đình An là Thành viên HĐQT độc lập không điều hành. Ông còn là Chủ Tịch Công Đoàn Công ty, tham gia HĐQT thường xuyên định hướng Công ty chấp hành đúng luật lao động và chăm lo quyền lợi cho CNLĐ.

Ông Trương Văn Minh
Năm sinh: 12/12/1962
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư nông nghiệp
Thâm niên: 24 năm
Phó Tổng Giám Đốc Đầu Tư

Ông Trương Văn Minh là Phó Tổng Giám Đốc phụ trách đầu tư ra ngoài ngành. Đây là vị trí mới Công ty bổ nhiệm nhằm mục đích chiến lược dài hạn của Công ty là sau thời gian khoảng 5 năm Công ty sẽ nâng diện tích lên gấp đôi hiện tại và tối đa hoá lợi nhuận từ những dự án đầu tư mang lại.

Bà Vương Thị Rang
Năm sinh: 27/5/1957
Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
Thâm niên: 27 năm
Kế Toán Trưởng

Bà Vương Thị Rang là Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng TCKT Công ty. Qua nhiều năm công tác chuyên môn, luôn đảm bảo quyết toán tài chính hàng năm rõ ràng, minh bạch, đảm bảo hạch toán tính đúng tính đủ vào giá thành. Báo cáo tình hình hoạt động SXKD kịp thời, phản ảnh trung thực, chính xác tình hình hoạt động của Công ty, tham mưu cho lãnh đạo công ty tình hình vốn phục vụ cho SXKD và XDCB kịp thời. Đảm bảo tuân thủ theo chủ trương pháp luật nhà nước, đồng thời phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý liên quan.

Ông Nguyễn Văn Mết
Năm sinh: 4/9/1956
Trình độ chuyên môn: Cử nhân tài chính
Thâm niên: 28 năm
Trưởng Ban Kiểm Soát

Ông Nguyễn Văn Mét với kinh nghiệm làm việc nhiều năm liền tại Công ty. Ông am hiểu tất cả các yếu tố chi phí phát sinh thường kỳ của ngành cao su. Với các lưu trữ thống kê liên tục Ông đã đóng góp nhiều kiến nghị cho HĐQT về công tác chỉ đạo chủ trương cho TGD điều hành hoạt động hiệu quả.

Ông Hồ Ngọc Tùng

Năm sinh 24/1/1966

Trình độ chuyên môn: Cử nhân QTKD và Kỹ sư cao su

Thâm niên: 21 năm

Thành viên Ban Kiểm Soát

Ông Hồ Ngọc Tùng với thâm niên 21 năm trong lĩnh vực cao su và đặc biệt là chế biến cao su. Đóng góp cho Ban kiểm soát về công tác kiểm soát nội bộ, các dự án đầu tư. Phụ trách định hướng Công ty thực hiện nhiệm vụ đúng điều lệ và luật doanh nghiệp.

Ông Nguyễn Văn Bắc

Năm sinh 10/2/1960

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Thâm niên: 28 năm

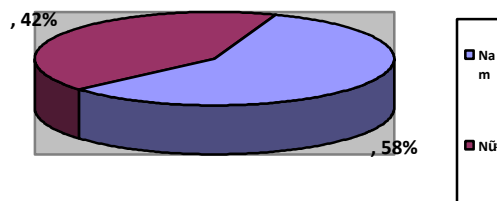
Thành viên Ban Kiểm Soát

Ông Nguyễn Văn Bắc tham gia Ban kiểm soát với tư cách là người kiểm soát Công ty thực hiện đúng luật môi trường môi sinh và chất lượng sản phẩm, đảm bảo Công ty phát triển bền vững.

3. Cơ cấu lao động

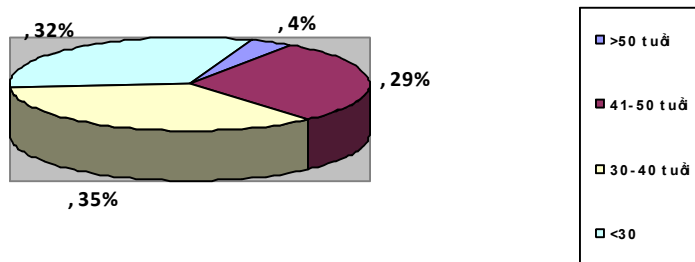
a. Cơ cấu lao động theo giới tính

Giới tính	Số lượng	Tỉ lệ %
Nam	1.481	58
Nữ	1.075	42
Cộng	2.556	



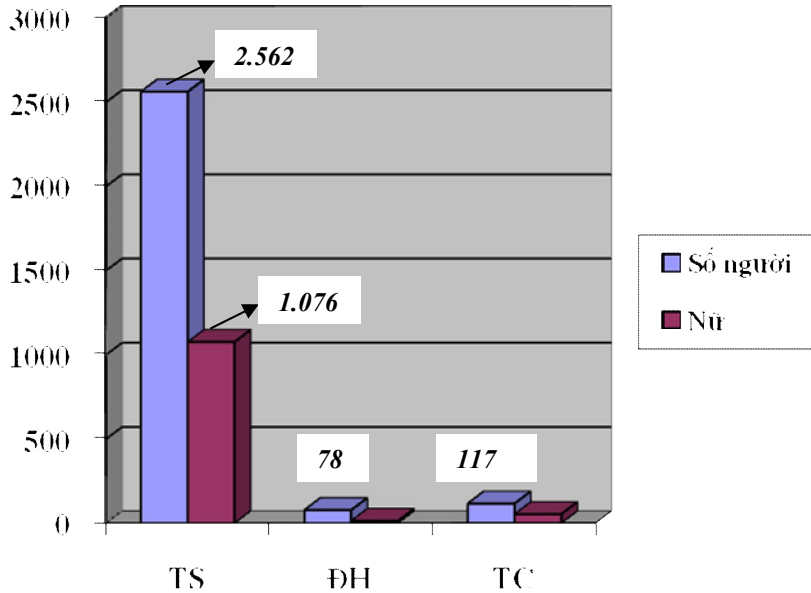
b. Cơ cấu lao động theo độ tuổi

Tuổi	>50	41-50	30-40	<30	Tổng
Nam	76	416	499	490	1.481
Nữ	15	324	384	352	1.075



c. Cơ cấu lao động theo trình độ

	T.số	ĐH	TC
Số người	2.562	78	117
Nữ	1.076	14	54



4. Chính sách lương thưởng

Công ty dùng cách chi trả lương khoán như đòn bẩy kinh tế kích thích kỷ luật lao động và tăng năng suất lao động. Gắn kết tiền lương của Công nhân lao động với tình hình kinh doanh của Công ty. Nghĩa là trả lương theo doanh thu, Công ty kinh doanh tốt có lãi, người lao động sẽ được hưởng lợi và Người lao động cũng phải chia sẻ với Công ty khi Công ty gặp khó khăn.

Quỹ lương và thu nhập của Người lao động

TT	Chỉ tiêu	Năm 2007	Năm 2008	% +/- so với năm 2007
1	Tổng quỹ lương	196.673.123.419	226.971.830.159	115,4
2	Tiền lương B/q người/tháng	6.493.434	7.382.638	114

Ngoài tiền lương tiền thưởng Người lao động còn có các chế độ chăm lo khác từ Công ty như: Tiền ăn giữa ca, bồi dưỡng Công nhân làm ở các khâu độc hại, Công nhân làm ca 3 ...

Người lao động được Công ty chăm lo đến khám sức khỏe định kỳ mỗi năm 2 lần, 100% Công nhân viên được đi du lịch mỗi năm 1 lần, Con em Công nhân lao động học có kết quả từ tiên tiến trở lên được Công ty tổng kết khen thưởng hàng năm...

Các hoạt động văn hoá, văn nghệ, TDTT thường xuyên được tổ chức, tạo cho Công nhân lao động gắn kết với nhau và gắn bó với Công ty.

VIII. Thông tin cổ đông và quản trị công ty

a. Thành phần Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

■ Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Tham gia điều hành Công ty	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Trịnh Văn Vĩnh	Chủ tịch HĐQT	Tổng Giám Đốc	27/12/2006	
Hứa Ngọc Hiệp	Thành viên		27/12/2006	
Trần Văn Rạng	Thành viên	P.TGD	27/12/2006	
Lê Văn Chành	Thành viên	P.TGD	27/12/2006	
Khúc Đình An	Thành viên		27/12/2006	

■ Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Tham gia điều hành Công ty	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Nguyễn Văn Mết	Trưởng BKS		27/12/2006	
Hồ Ngọc Tùng	Thành viên	P.GĐ XNCKCB	26/3/2007	
Nguyễn T Hương Giang	Thành viên		27/12/2006	26/3/2007
Nguyễn Văn Bắc	Thành viên	TP.QLCL	26/3/2007	
Trần Ngọc Ân	Thành viên	P.PTCKT	27/12/2006	26/3/2007

■ Ban Tổng Giám Đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Trịnh Văn Vĩnh	Tổng Giám Đốc	27/12/2006	
Trần Văn Rạng	P.Tổng Giám Đốc	27/12/2006	
Lê Văn Chành	P.Tổng Giám Đốc	27/12/2006	
Trương Văn Minh	P.Tổng Giám Đốc	27/12/2006	

■ Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Vương Thị Rang	Kế toán trưởng	27/12/2006	

b. Hoạt động của Hội Đồng Quản Trị

- Các Thành viên HĐQT tập trung làm việc theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của tập thể theo tinh thần của điều lệ, qui chế quản trị Công ty và luật doanh nghiệp.

- Tổ chức họp thường niên và đột xuất. Chỉ đạo về mặt chiến lược cho Ban điều hành. Các vấn đề thuộc quyền hạn của HĐQT giải quyết như điều lệ như: Thông qua quyết toán tài chính 2008, kế hoạch SXKD năm 2009, Thông qua các kế hoạch tổ chức Đại hội

cổ đông thường niên, bổ nhiệm, bãi nhiệm nhân sự, cử người tham gia các dự án ngoài ngành, thực hiện tạm ứng và chia cổ tức 2008, thành lập Công ty con.

- Hội đồng quản trị chưa thành lập các tiểu ban chuyên môn phục vụ cho công tác giám sát của HĐQT, nhưng có phân công các thành viên trong HĐQT phụ trách từng phần hoặc từng lĩnh vực.

c. Hoạt động của Ban kiểm soát

Trong năm 2008 Ban kiểm soát đã thường xuyên và chú trọng đến những hoạt động kiểm tra giám sát trên sổ sách lĩnh vực mà luật doanh nghiệp qui định.

- Việc tuân thủ điều lệ quản lý điều hành Công ty.

- Kiểm tra định kỳ báo cáo hàng quý, báo cáo tài chính năm 2008, nhằm đánh giá tính hợp lý của các số liệu tài chính.

- Kiểm soát chứng từ gốc các số liệu và nội dung công bố trên báo cáo tài chính, đồng thời căn cứ vào qui chế quản lý tài chính của Công ty, qui chế quản lý tài chính của Tập Đoàn cao su Việt Nam, Ban kiểm soát tiến hành kiểm tra nhằm phát hiện những sai sót để Công ty kịp thời điều chỉnh.

- Phối hợp cùng với Phòng TCKT kiểm tra sổ sách, tài sản, công nợ các đơn vị có liên quan với Công ty, nhằm phát hiện sớm những rủi ro tiềm ẩn hoặc những thiếu sót trong vấn đề quản lý tại đơn vị, từ đó có những đề xuất chấn chỉnh với HĐQT.

- Kiểm tra việc thực hiện kê khai lợi ích cá nhân của các Thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc và kế toán trưởng.

- Xem xét, đánh giá hoạt động của HĐQT liên quan đến việc đề ra chiến lược, các quyết định, triển khai thực hiện các kế hoạch, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông 2008.

d. Tỷ lệ sở hữu cổ phần của các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần đại diện	Số cổ phần cá nhân	Tỷ lệ sở hữu
Trịnh Văn Vĩnh	Chủ tịch HĐQT	15.000.000	3.700	50,01
Hứa Ngọc Hiệp	Thành viên	3.000.000		10
Trần Văn Rạng	Thành viên		2.800	0,009
Lê Văn Chành	Thành viên		2.600	0,008
Khúc Đình An	Thành viên		3.000	0,01

■ Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần đại diện	Số cổ phần cá nhân	Tỷ lệ sở hữu
Nguyễn Văn Mét	Trưởng BKS		2.500	0,008
Hồ Ngọc Tùng	Thành viên		1.800	0,006
Nguyễn Văn Bắc	Thành viên		4.000	0,013

e. Kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty

Công ty đã ban hành qui chế về quản trị công ty ngày 26/3/2008, căn cứ trên điều lệ Công ty, các văn bản hướng dẫn quản trị công ty của UBCKNN và luật doanh nghiệp. Qui chế đã được Đại hội cổ đông năm 2008 thông qua và đã được áp dụng thực tiễn vào Công ty.

Để tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị Công ty trong thời gian tới. Công ty sẽ tiếp tục thực hiện tốt các qui định của qui chế, điều lệ Công ty, đồng thời không ngừng bổ sung hoàn thiện và cập nhật các văn bản dưới luật có liên quan. Bên cạnh đó HĐQT đã thường xuyên tổ chức các cuộc họp với Ban kiểm soát để đề ra định hướng chiến lược, ra các quyết định và triển khai thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Bên cạnh đó, Ban Tổng giám đốc thường xuyên xuyên truyền đạt, huấn luyện thấu hiểu tầm nhìn, mục tiêu – chiến lược từ Lãnh đạo đến từng nhân viên. Thực hiện nghị quyết của Đại hội và HĐQT đến từng bộ phận chức năng trong Công ty.

f. Thù lao của các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát

Căn cứ tinh thần đại hội năm 2008 kinh phí thù lao đã được trích và sử dụng đúng mục đích 100%. Cụ thể như sau:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao
1	Trịnh Văn Vĩnh	Chủ tịch HĐQT	64.414.816
2	Hứa Ngọc Hiệp	Thành viên	57.771.792
3	Trần Văn Rạng	Thành viên	57.407.875
4	Lê Văn Chành	Thành viên	57.407.875
5	Khúc Đình An	Thành viên	57.407.875
6	Nguyễn Văn Mết	Trưởng BKS	33.662.304
7	Hồ Ngọc Tùng	Thành viên	13.950.144
8	Nguyễn T Hương Giang	Thành viên	3.798.381
9	Nguyễn Văn Bắc	Thành viên	11.395.145
	Tổng cộng		359.216.207

g. Đề nghị mức thù lao của HĐQT và Ban kiểm soát năm 2009

Xin đề nghị mức thù lao của HĐQT và Ban kiểm soát là 20% trên tiền lương đối với các thành viên kiêm nhiệm. Đối với các thành viên hoạt động độc lập sẽ được tính bình quân theo chức danh tương tự của nhóm thành viên hoạt động kiêm nhiệm (Vẫn theo đề án cổ phần hoá Công ty năm 2007).

h. Các dữ liệu về cổ đông

Theo danh sách sở hữu chứng khoán đến ngày 16/3/2009 dữ liệu cụ thể như sau:

Các loại cổ phiếu

Loại cổ phiếu	Số lượng	Tỉ lệ
Cổ phiếu phổ thông	30.000.000	100%
Cổ phiếu quỹ	0	0%

Cơ cấu cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông

TT	Cổ đông	Số lượng CP		Tỉ lệ	
		Tổ chức	Cá nhân	Tổ chức	Cá nhân
I	Cổ đông đặc biệt	18.047.990	24.700	60,16%	0,081
1	Tập đoàn Cao su VN	18.000.000		60%	
2	Tổng cty KD vốn NN	47.990		0,16%	

3	HĐQT		16.400		0,054
4	Ban kiểm soát		8.300		0,027
II	Cổ đông trong nước	2.284.405	3.206.265	7,61%	10,699%
III	Cổ đông nước ngoài	6.382.740	53.900	21,27%	0,18%
	Tổng cộng	26.715.135	3.284.865	89,04	10,96

Trên đây là toàn bộ báo cáo thường niên, Công ty đã chuyển tải tất cả thông tin đến quý Cổ đông.

Chúc thành công.

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Chủ tịch

Trịnh Văn Vĩnh